

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ban hành kèm theo Quyết định số 560-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 08/09/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

1. Thông tin chung

- [1] Tên chương trình: **Cử nhân Du lịch**
- [2] Trình độ đào tạo: **Đại học**
- [3] Ngành đào tạo: **DU LỊCH**
- [4] Chuyên ngành đào tạo:
 - + Du lịch, chuyên ngành Du lịch sức khỏe
 - + Du lịch, chuyên ngành Quản trị nhà hàng khách sạn
- [5] Mã ngành đào tạo: [7810101]
- [6] Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- [7] Khóa học: 2025 - 2029
- [8] Tên Khoa: Khoa Quản trị Kinh doanh
- [9] Trường cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- [10] Cơ sở tổ chức giảng dạy: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

2. Mục tiêu đào tạo

- [1] **Mục tiêu chung:**
 - + Chương trình đào tạo ngành Du lịch ở trình độ đại học trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về lĩnh vực du lịch, nhà hàng - khách sạn và du lịch sức khỏe, đồng thời phát triển năng lực vận hành, quản lý và kinh doanh trong ngành dịch vụ.
 - + Chương trình theo định hướng ứng dụng, giúp sinh viên nắm vững lý thuyết chuyên ngành và thực hành chuyên sâu, có khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, linh hoạt thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động.
 - + Sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí từ nhân viên chuyên môn đến quản lý trong ngành du lịch, nhà hàng - khách sạn, khu nghỉ dưỡng, trung tâm chăm sóc sức khỏe hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ.
- [2] **Mục tiêu cụ thể Program (Objectives – Pos):**
 - PO.01. Kiến thức chuyên môn
 - + Hiểu và vận dụng các nguyên lý quản trị, kinh doanh và vận hành trong ngành du lịch, khách sạn và du lịch sức khỏe.
 - + Phân tích các xu hướng phát triển của ngành du lịch trong nước và quốc tế, đặc biệt là du lịch bền vững và du lịch sức khỏe.
 - + Ứng dụng các nguyên tắc tài chính, kế toán, marketing và quản trị nhân sự trong kinh doanh du lịch và dịch vụ.
 - + Nắm vững các quy định pháp lý, chính sách quản lý và tiêu chuẩn chất lượng trong lĩnh vực du lịch, khách sạn.
 - PO.02. Kỹ năng nghề nghiệp
 - + Xây dựng, tổ chức, vận hành sản phẩm, dịch vụ du lịch, khách sạn và chăm sóc sức khỏe.

- + Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và ra quyết định trong các tình huống thực tế.
- + Ứng dụng công nghệ và các phần mềm quản lý chuyên ngành trong vận hành doanh nghiệp du lịch.
- + Thành thạo ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc quốc tế.

PO.03. Thái độ và phẩm chất cá nhân

- + Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tinh thần phục vụ khách hàng tận tâm.
- + Phát triển tư duy đổi mới, sáng tạo, chủ động trong công việc.
- + Học tập suốt đời, sẵn sàng cập nhật kiến thức và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

[3] **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CDR CTĐT - Program Learning Outcome - PLOs):**

3.1. Kiến thức:

- + CDR_A.01: PLO_K01: Hiểu và giải thích được khái niệm cơ bản về văn hóa, xã hội, tôn giáo, lịch sử, triết học, ngôn ngữ và quản trị trong khối ngành khoa học xã hội, dịch vụ và du lịch.
- + CDR_A.02: PLO_K02: Áp dụng kiến thức về văn hóa, du lịch, tâm lý và tổ chức sự kiện để phân tích nhu cầu thị trường, xác định đối tượng khách hàng và thiết kế các sản phẩm, dịch vụ du lịch phù hợp.
- + CDR_A.03: PLO_K03: Phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề trong ngành du lịch thông qua hoạt động thực tế, dự án học tập và thực tập, hướng đến vị trí quản lý cấp trung sau khi tốt nghiệp.

3.2. Kỹ năng:

- + CDR_B.01: PLO_S01: Vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng quan sát để nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong ngành du lịch.
- + CDR_B.02: PLO_S02: Lập kế hoạch tổng thể và chi tiết, sáng tạo trong thiết kế, tổ chức và vận hành các sản phẩm, dịch vụ du lịch tại doanh nghiệp hoặc cơ sở trung và cao cấp nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách.
- + CDR_B.03: PLO_S03: Hình thành và phát triển ý tưởng kinh doanh du lịch, đề xuất giải pháp thị trường đa dạng và dự báo xu hướng ngành du lịch trong tương lai.

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- + CDR_C.01: PLO_A01: Rèn luyện tư duy đa chiều, sáng tạo, khả năng tự học và sử dụng hiệu quả ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng với các thay đổi trong môi trường sống và làm việc.
- + CDR_C.02: PLO_A02: Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và xây dựng quan hệ xã hội; tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị và niềm tin để ứng xử phù hợp trong công việc và cuộc sống.
- + CDR_C.03: PLO_A03: Hình thành thói quen cân nhắc đạo đức nghề nghiệp trong quản lý và cung cấp dịch vụ du lịch; tuân thủ các nguyên tắc du lịch bền vững, bao gồm bảo vệ môi trường, gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương và đảm bảo chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.

[4] **Vị trí việc làm sau tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Du lịch có nhiều cơ hội nghề nghiệp đa dạng, từ lĩnh vực du lịch truyền thống đến các xu hướng mới như Du lịch sức khỏe, du lịch thông minh và tổ chức sự kiện. Với sự năng động, sáng tạo và chủ động học hỏi, sinh viên có thể phát triển sự nghiệp bền vững trong ngành công nghiệp không khói này.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân Ngành Du lịch có thể đảm nhận nhiều vị trí trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tổ chức sự kiện. Các vị trí việc làm phù hợp bao gồm:

4.1. Lĩnh vực nghề nghiệp:

- + Quản lý và kinh doanh du lịch: Công ty lữ hành, doanh nghiệp du lịch, đại lý du lịch.
- + Nhà hàng - khách sạn: Quản lý, vận hành và điều phối dịch vụ tại khách sạn, resort, nhà hàng cao cấp.
- + Dịch vụ chăm sóc sức khỏe và du lịch trị liệu: Trung tâm spa, resort chăm sóc sức khỏe, các khu nghỉ dưỡng cao cấp.
- + Tổ chức sự kiện và giải trí: Công ty tổ chức sự kiện, hội nghị, truyền thông du lịch.
- + Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch: Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch, Tổng cục Du lịch, các tổ chức phi chính phủ về phát triển du lịch bền vững.

4.2. Vị trí nghề nghiệp cụ thể: Tùy theo chuyên ngành đã chọn, sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí sau:

- + Chuyên ngành Du lịch sức khỏe:
 - Chuyên viên tư vấn, điều phối dịch vụ tại resort, spa, trung tâm chăm sóc sức khỏe.
 - Quản lý dịch vụ trị liệu và chăm sóc sức khỏe tại khu nghỉ dưỡng, khách sạn cao cấp.
 - Chuyên viên tổ chức chương trình Du lịch sức khỏe, yoga, thiền, detox.
 - Nhân viên điều phối hoạt động wellness, phục hồi chức năng tại trung tâm chăm sóc sức khỏe.
- + Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn
 - Quản lý bộ phận lễ tân, buồng phòng, F&B tại khách sạn, resort.
 - Chuyên viên marketing, kinh doanh khách sạn, nhà hàng.
 - Điều phối viên sự kiện, hội nghị trong ngành du lịch.
 - Nhân viên quản lý chuỗi cung ứng và dịch vụ khách hàng.

4.3. Cơ hội thăng tiến và khởi nghiệp:

- + Sinh viên tốt nghiệp có thể bắt đầu với vị trí nhân viên và có thể thăng tiến lên trưởng bộ phận, quản lý cấp trung và cao cấp, hoặc tự khởi nghiệp trong ngành du lịch, khách sạn, dịch vụ chăm sóc sức khỏe.
- + Một số hướng đi phát triển sự nghiệp:
 - Từ chuyên viên lên quản lý: Nhân viên kinh doanh du lịch → Trưởng phòng kinh doanh → Giám đốc điều hành công ty du lịch.
 - Từ điều hành dịch vụ lên quản lý cao cấp: Điều phối viên dịch vụ khách sạn → Quản lý khách sạn → Tổng giám đốc khách sạn.
 - Khởi nghiệp: Mở công ty du lịch, nhà hàng, spa, khu nghỉ dưỡng theo mô hình du lịch trải nghiệm hoặc chăm sóc sức khỏe.

3. Thời gian đào tạo:

- [1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.
- [2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị buộc thôi học. Trong một số trường hợp đặc biệt vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản này, Hiệu trưởng có thể xem xét và quyết

định gia hạn cho sinh viên; tuy nhiên, tổng thời gian hoàn thành chương trình không được vượt quá gấp đôi thời gian đào tạo chính khóa theo kế hoạch.

- [3] Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:

Bậc học	Thời gian đào tạo chính khóa	Thời gian kéo dài
Đại học	4,0 năm	2,0 năm

4. Cấu tạo và tổ chức của chương trình:

- [1] **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ.**

- [2] **Cấu tạo và tổ chức của chương trình:**

- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ, hay cấp chứng nhận; không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - Giáo dục thể chất;
 - Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
- + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, công nghệ tham nhũng và bảo vệ môi trường.
- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - Kiến thức chuyên ngành;
 - Kiến thức bổ trợ;
 - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
- + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn đã liệt kê các môn học mà sinh viên có thể chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp. Trong chương trình, sinh viên lựa chọn các môn học tự chọn, chiếm khoảng 10% tín chỉ trong danh sách môn học đề xuất.

- [3] **Nhóm các môn học trong chương trình:**

- + Các môn học lý thuyết;
- + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
- + Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
- + Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;
- + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
- + Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận).

5. Phân bố các khối kiến thức trong chương trình đào tạo (CTĐT):

- [1] **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ.**

- [2] **Cấu tạo và tổ chức của chương trình:**

- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ, hay cấp chứng nhận; không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - Giáo dục thể chất;
 - Giáo dục Quốc phòng - An ninh - An ninh.
- + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - Kiến thức khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, ngoại ngữ.

- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - Kiến thức chuyên ngành;
 - Kiến thức bổ trợ;
 - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
- + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp.
- + Nhóm các môn học trong chương trình:
 - Các môn học lý thuyết;
 - Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
 - Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
 - Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;
 - Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
 - Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
 - Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh - An ninh (môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận).

[3] Phân bố các khối kiến thức

Du lịch, chuyên ngành Du lịch sức khỏe

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận	0		300		90	30.00	210	70.00	0
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt	0		300		90	30.00	210	70.00	0
– [0.1] Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165		90	54.55	75	45.45	0
– [0.2] Giáo dục Thể chất	0		135		0	00.00	135	100.00	0
Môn học trong chương trình đào tạo	125		2580		1020	39.53	1560	60.47	125
Kiến thức Giáo dục đại cương	31	24.80	525	20.35	330	62.86	195	37.14	31
– [1] Khoa học tự nhiên	4	03.20	60	02.33	30	50.00	30	50.00	4
– [2] Khoa học xã hội	27	21.60	465	18.02	300	64.52	165	35.48	27
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	85	68.00	1650	63.95	690	41.82	960	58.18	85
– [3.0] Cơ sở ngành	39	31.20	675	26.16	330	48.89	345	51.11	39
– [3.3] Cơ sở ngành tự chọn	9	07.20	165	06.40	90	54.55	75	45.45	9
– [4.0] Chuyên ngành	28	22.40	675	26.16	180	26.67	495	73.33	28
– [4.3] Chuyên ngành tự chọn	9	07.20	135	05.23	90	66.67	45	33.33	9
Bài thi tốt nghiệp	9	07.20	405	15.70	0	00.00	405	100.00	9
– [5.1] Thực tập tốt nghiệp	4	03.20	180	06.98	0	00.00	180	100.00	4
– [5.2] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	5	04.00	225	08.72	0	00.00	225	100.00	5

Du lịch, chuyên ngành Quản trị nhà hàng khách sạn

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận	0		300		90	30.00	210	70.00	0
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt	0		300		90	30.00	210	70.00	0
– [0.1] Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165		90	54.55	75	45.45	0
– [0.2] Giáo dục Thể chất	0		135		0	00.00	135	100.00	0

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học trong chương trình đào tạo	125		2520		1035	41.07	1485	58.93	125
Kiến thức Giáo dục đại cương	31	24.80	525	20.83	330	62.86	195	37.14	31
– [1] Khoa học tự nhiên	4	03.20	60	02.38	30	50.00	30	50.00	4
– [2] Khoa học xã hội	27	21.60	465	18.45	300	64.52	165	35.48	27
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	85	68.00	1590	63.10	705	44.34	885	55.66	85
– [3.0] Cơ sở ngành	39	31.20	675	26.79	330	48.89	345	51.11	39
– [3.3] Cơ sở ngành tự chọn	9	07.20	165	06.55	90	54.55	75	45.45	9
– [4.0] Chuyên ngành	28	22.40	615	24.40	195	31.71	420	68.29	28
– [4.3] Chuyên ngành tự chọn	9	07.20	135	05.36	90	66.67	45	33.33	9
Bài thi tốt nghiệp	9	07.20	405	16.07	0	00.00	405	100.00	9
– [5] Thực tập tốt nghiệp	4	03.20	180	07.14	0	00.00	180	100.00	4
– [5] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	5	04.00	225	08.93	0	00.00	225	100.00	5

6. Đối tượng tuyển sinh:

[1] Cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

[2] Đào tạo văn bằng hai:

Người học đã tốt nghiệp cử nhân, kỹ sư các ngành trình độ đại học và phải qua kỳ xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa phối hợp cùng Phòng Đào tạo xem xét bảng điểm toàn khóa của thí sinh, xét tương đương miễn học một số môn trong CTĐT, thông báo việc học bổ sung kiến thức còn khuyết. Người học hoàn tất CTĐT sẽ được cấp Văn bằng 2 ngành Du lịch trình độ đại học.

[3] Đào tạo liên thông đại học từ cao đẳng:

Người học đã tốt nghiệp cử nhân ngành Du lịch (hoặc ngành gần) trình độ cao đẳng và qua kỳ thi tuyển sinh đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Đào tạo Liên thông đại học của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn và của Khoa tổ chức xét duyệt bảng điểm toàn khóa của thí sinh trong quá trình học cao đẳng, xét tương đương miễn học một số môn trong CTĐT, thông báo việc học bổ sung kiến thức còn khuyết. Người học hoàn tất CTĐT sẽ được cấp bằng tốt nghiệp ngành Du lịch trình độ đại học.

7. Quy trình đào tạo:

[1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.

[2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 04 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.

- [3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 13, Chương 2 Tổ chức đào tạo, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
- + Quy định về khối lượng học tập tối thiểu của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.
 - 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
 - Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.
 - + Quy định về khối lượng học tập tối đa của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 18 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Nếu sinh viên có nhu cầu đăng ký nhiều hơn số tín chỉ quy định, sinh viên phải làm đơn gửi cố vấn học tập xin ý kiến và chuyển đơn đến Phòng Đào tạo xem xét giải quyết tiếp. Sinh viên nhận kết quả trả lời đơn tại Phòng Đào tạo.
 - Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
 - Đối với học kỳ phụ (học kỳ hè), sinh viên không được đăng ký nhiều hơn 12 tín chỉ/đợt học.
- [4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập; sau đây gọi chung là TIẾT.
- + Tín chỉ được quy định bằng:
 - 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 30 giờ thực tập/thực hành/thí nghiệm/thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 45 giờ thực tập tại cơ sở/thực tập tốt nghiệp;
 - 45 giờ làm tiểu luận/bài tập lớn/đồ án;
 - 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp/luận án tốt nghiệp/bài thi tốt nghiệp.
 - Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.
- [5] Điều kiện tốt nghiệp:
- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 33, Chương 5 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

8. Thang điểm đánh giá:

- [1] Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:
- + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
 - + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
 - + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
 - + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.
- [2] Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:
- + Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
 - + Điểm được quy đổi về thang điểm chữ và thang điểm 4,0 trong bảng điểm tổng kết;
 - + Thực hiện đầy đủ yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của điểm thành phần như sau:

Điểm thành phần	Thang điểm 10	Trọng số	Điều kiện
Điểm quá trình	a	x%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm kiểm tra giữa kỳ	b	y%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm thi cuối kỳ	c	z%	$x + y + z = 100\%$; $z \geq 50\%$
Điểm tổng kết môn học	$a * x\% + b * y\% + c * z\%$		

9. Nội dung chương trình

[1] Nội dung chương trình ngành Du lịch, chuyên ngành Du lịch sức khỏe.

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			Kiến thức giáo dục chuyên biệt		0	300	90	210	375
1	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
2	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
3	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
4	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
			Kiến thức giáo dục đại cương		31	525	330	195	870
			Nhóm môn Khoa học tự nhiên		4	60	30	30	120
5	HK2	BA09055	Phương pháp luận và cách tiếp cận khoa học	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
6	HK2	TO09001	Môi trường và du lịch	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
			Nhóm môn Khoa học xã hội		27	465	300	165	750
7	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
8	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
9	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
10	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
12	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
13	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
14	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
15	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
16	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK1	TO09002	Giao tiếp trong du lịch	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
18	HK1	TO09003	Văn hóa và các kỹ năng liên văn hóa	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		94	2055	690	1365	2385
			Nhóm môn cơ sở		48	840	420	420	1320
19	HK1	TO09004	Nguyên lý ngành CN dịch vụ và du lịch	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
20	HK1	TO09005	Phát triển nghề nghiệp	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
21	HK3	TO09006	Du lịch thông minh	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
22	HK3	TO09007	Kinh tế du lịch	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
23	HK3	TO09008	Marketing du lịch	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
24	HK4	TO09009	Kế toán tài chính trong du lịch	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
25	HK5	TO09010	Phát triển du lịch bền vững	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
26	HK1	TO09011	Thực địa du lịch	1[0.1.1]	1	30	0	30	15
27	HK6	TO09017	Xây dựng hệ sinh thái doanh nghiệp	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
28	HK5	TO09020	Nguyên lý khởi nghiệp và đề án du lịch 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
29	HK7	TO09021	Nguyên lý khởi nghiệp và đề án du lịch 2	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
30	HK4	TO19001	Tiếng Anh du lịch 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
31	HK5	TO19002	Tiếng Anh du lịch 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
32	HK6	TO19003	Tiếng Anh du lịch 3	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
33	HK7	TO19004	Tiếng Anh du lịch 4	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
34	HK3	TO09030	Môn học tự chọn cơ sở 01_DL (03 tín chỉ tự chọn)	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
35	HK5	TO19005	Môn học tự chọn 1_Ngoại ngữ (Tiếng Hoa 1/Tiếng Pháp 1)	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
36	HK6	TO19006	Môn học tự chọn 2_Ngoại ngữ (Tiếng Hoa 2/Tiếng Pháp 2)	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
			Nhóm môn chuyên ngành		37	810	270	540	930
37	HK4	TO09018	Thực tập chuyên ngành 01	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
38	HK6	TO09019	Thực tập chuyên ngành 02	3[0.3.3]	3	135	0	135	45
39	HK2	TO09022	Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe chủ động 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
40	HK3	TO09023	Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe chủ động 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
41	HK3	TO09024	Dẫn nhập về Du lịch sức khỏe	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
42	HK4	TO09025	Dinh dưỡng trong chăm sóc sức Khỏe	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
43	HK5	TO09026	Quản lý dịch vụ Spa	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
44	HK5	TO09016	Thiết kế sản phẩm du lịch sức khỏe	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
45	HK6	TO09027	Dịch vụ khách hàng du lịch sức khỏe	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
46	HK7	TO09028	Chăm sóc sức khỏe tâm trí	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
47	HK7	TO09029	Quản trị điểm đến du lịch sức khỏe	3[1.2.5]	3	60	15	45	75
48	HK5	TO09030	Môn học tự chọn chuyên ngành 01_DL	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
49	HK6	TO09031	Môn học tự chọn chuyên ngành 02_DL	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
50	HK7	TO09032	Môn học tự chọn chuyên ngành 03_DL	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn tốt nghiệp		9	405	0	405	135
51	HK8	TO03151	Thực tập tốt nghiệp	4[0.4.4]	4	180	0	180	60
52	HK8	TO03153	Khóa luận/Đề án tốt nghiệp	5[0.5.5]	5	225	0	225	75
			Nhóm môn tự chọn		40	705	375	330	1095
1	HKN	TO09012	Chuyên đề 1: Kỹ năng quản trò	1[1.0.2]	1	15	15	0	30
2	HKN	TO09013	Chuyên đề 2: Y tế du lịch	1[1.0.2]	1	15	15	0	30
3	HKN	TO09014	Chuyên đề 3: Thủ tục xuất nhập cảnh	1[1.0.2]	1	15	15	0	30
4	HKN	TO09015	Hệ thống đặt chỗ trong du lịch	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
5	HKN	TO19007	TC1 - Tiếng Hoa 1	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
6	HKN	TO19008	TC1 - Tiếng Pháp 1	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
7	HKN	TO19009	TC2 - Tiếng Hoa 2	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
8	HKN	TO19010	TC2 - Tiếng Pháp 2	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
9	HKN	TO09040	Nghiep vụ Bar	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
10	HKN	TO09033	Nghiep vụ Sommelier cơ bản	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
11	HKN	TO09034	Nghiep vụ nhà hàng	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
12	HKN	TO09035	Nghiep vụ buồng phòng	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
13	HKN	TO09036	Quản trị dịch vụ ẩm thực	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
14	HKN	TO09037	Quản trị lưu trú trong khách sạn và resort	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
15	HKN	TO09038	Quản trị chất lượng trong khách sạn	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
16	HKN	TO09039	Business Game	3[1.2.6]	3	45	15	30	90

[2] Nội dung chương trình ngành Du lịch, chuyên ngành Quản trị nhà hàng khách sạn.

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			Kiến thức giáo dục chuyên biệt		0	300	90	210	375
1	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
2	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
3	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
4	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
			Kiến thức giáo dục đại cương		31	525	330	195	870
			Nhóm môn Khoa học tự nhiên		4	60	30	30	120
5	HK2	BA09055	Phương pháp luận và cách tiếp cận khoa học	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
6	HK2	TO09001	Môi trường và du lịch	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
			Nhóm môn Khoa học xã hội		27	465	300	165	750
7	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
8	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
9	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
10	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
12	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
13	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
14	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
15	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
16	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK1	TO09002	Giao tiếp trong du lịch	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
18	HK1	TO09003	Văn hóa và các kỹ năng liên văn hóa	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		94	1995	705	1290	2445
			Nhóm môn cơ sở		48	840	420	420	1320
19	HK1	TO09004	Nguyên lý ngành CN dịch vụ và du lịch	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
20	HK1	TO09005	Phát triển nghề nghiệp	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
21	HK3	TO09006	Du lịch thông minh	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
22	HK3	TO09007	Kinh tế du lịch	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
23	HK3	TO09008	Marketing du lịch	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
24	HK4	TO09009	Kế toán tài chính trong du lịch	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
25	HK5	TO09010	Phát triển du lịch bền vững	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
26	HK1	TO09011	Thực địa du lịch	1[0.1.1]	1	30	0	30	15
27	HK6	TO09017	Xây dựng hệ sinh thái doanh nghiệp	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
28	HK5	TO09020	Nguyên lý khởi nghiệp và đề án du lịch 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
29	HK7	TO09021	Nguyên lý khởi nghiệp và đề án du lịch 2	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
30	HK4	TO19001	Tiếng Anh du lịch 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
31	HK5	TO19002	Tiếng Anh du lịch 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
32	HK6	TO19003	Tiếng Anh du lịch 3	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
33	HK7	TO19004	Tiếng Anh du lịch 4	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
34	HK3	TO09030	Môn học tự chọn cơ sở 01_DL (03 tín chỉ tự chọn)	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
35	HK5	TO19005	Môn học tự chọn 1_Ngoại ngữ (Tiếng Hoa 1/Tiếng Pháp 1)	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
36	HK6	TO19006	Môn học tự chọn 2_Ngoại ngữ (Tiếng Hoa 2/Tiếng Pháp 2)	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
			Nhóm môn chuyên ngành		37	750	285	465	990
37	HK4	TO09018	Thực tập chuyên ngành 01	2[0.2.2]	2	90	0	90	30

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
38	HK6	TO09019	Thực tập chuyên ngành 02	3[0.3.3]	3	135	0	135	45
39	HK3	TO09040	Nghiep vụ Bar	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
40	HK3	TO09033	Nghiep vụ Sommelier cơ bản	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
41	HK3	TO09034	Nghiep vụ nhà hàng	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
42	HK4	TO09035	Nghiep vụ buồng phòng	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
43	HK5	TO09036	Quản trị dịch vụ ẩm thực	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
44	HK5	TO09037	Quản trị lưu trú trong khách sạn và resort	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
45	HK6	TO09038	Quản trị chất lượng trong khách sạn	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
46	HK7	TO09039	Business Game	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
47	HK5	TO09030	Môn học tự chọn chuyên ngành 01_DL	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
48	HK6	TO09031	Môn học tự chọn chuyên ngành 02_DL	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
49	HK7	TO09032	Môn học tự chọn chuyên ngành 03_DL	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn tốt nghiệp		9	405	0	405	135
50	HK8	TO03151	Thực tập tốt nghiệp	4[0.4.4]	4	180	0	180	60
51	HK8	TO03153	Khóa luận/Đề án tốt nghiệp	5[0.5.5]	5	225	0	225	75
			Nhóm môn tự chọn		38	735	345	390	975
1	HKN	TO09012	Chuyên đề 1: Kỹ năng quản trò	1[1.0.2]	1	15	15	0	30
2	HKN	TO09013	Chuyên đề 2: Y tế du lịch	1[1.0.2]	1	15	15	0	30
3	HKN	TO09014	Chuyên đề 3: Thủ tục xuất nhập cảnh	1[1.0.2]	1	15	15	0	30
4	HKN	TO09015	Hệ thống đặt chỗ trong du lịch	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
5	HKN	TO19007	TC1 - Tiếng Hoa 1	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
6	HKN	TO19008	TC1 - Tiếng Pháp 1	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
7	HKN	TO19009	TC2 - Tiếng Hoa 2	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
8	HKN	TO19010	TC2 - Tiếng Pháp 2	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
9	HKN	TO09022	Kỹ thuật chăm sóc sức khoẻ chủ động 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
10	HKN	TO09023	Kỹ thuật chăm sóc sức khoẻ chủ động 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HKN	TO09024	Dẫn nhập về Du lịch sức khỏe	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
12	HKN	TO09025	Dinh dưỡng trong chăm sóc sức Khỏe	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
13	HKN	TO09026	Quản lý dịch vụ Spa	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
14	HKN	TO09027	Dịch vụ khách hàng du lịch sức khỏe	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
15	HKN	TO09028	Chăm sóc sức khoẻ tâm trí	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
16	HKN	TO09029	Quản trị điểm đến du lịch sức khỏe	3[1.2.5]	3	60	15	45	75

Ghi chú:

Sinh viên lựa chọn các môn học trong danh sách môn học tự chọn.

Nhóm môn học tự chọn bao gồm các môn học có tính liên kết theo cấp độ hoặc nội dung. Khi sinh viên đã chọn một môn học ở cấp độ cơ bản (hoặc phần 1) trong một nhóm nhất định, thì bắt buộc phải tiếp tục chọn môn học tiếp theo ở cấp độ cao hơn (hoặc phần 2) trong cùng nhóm. Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả các nhóm môn học có tính kế thừa hoặc bắt buộc đi kèm.

Ví dụ: Nếu đã chọn Tiếng Hoa 1 là ngoại ngữ tự chọn 1, thì phải chọn Tiếng Hoa 2 là ngoại ngữ tự chọn 2; không được chuyển sang Tiếng Pháp 2 nếu chưa học Tiếng Pháp 1.

Nếu đã học Ngôn ngữ lập trình, thì phải chọn tiếp Thực hành Ngôn ngữ lập trình.

HK_TC: Danh sách môn học tự chọn cụ thể sẽ được thông báo trước khi đăng ký môn học.

Viết tắt trong bảng:

(1) Cột Học kỳ: HK – Học kỳ; HK_TC – Học kỳ tự chọn;

(2) Cột Tên môn học: TN – Thí nghiệm; TH- Thực hành;

(3) Cột Nhóm môn: QP – Quốc phòng; TC – Thể chất; TN – Tự nhiên; XH – Xã hội; CS – Cơ sở; CN – Chuyên ngành

10. Kế hoạch giảng dạy:

Xem chi tiết trong Phụ lục 1

11. Bảng đối sánh môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 2

12. Sơ đồ biểu diễn mối liên hệ - tiến trình môn học trong chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 3

13. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy trong chương trình đào tạo ngành Du lịch được thiết kế theo định hướng ứng dụng, đảm bảo đáp ứng các chuẩn đầu ra ở mức bậc 3–4 theo thang năng lực Bloom. Chương trình lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, đồng thời gắn kết chặt chẽ với thực tiễn nghề nghiệp nhằm phát triển năng lực vận dụng và phân tích – hai cấp độ cốt lõi trong đào tạo ứng dụng.

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên kết hợp linh hoạt giữa phương pháp thuyết trình – diễn giảng minh họa với các tình huống cụ thể trong thực tiễn ngành du lịch, khách sạn, nhà hàng và du lịch sức khỏe, nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức nền tảng. Để phát triển năng lực vận dụng và phân tích, chương trình đẩy mạnh phương pháp học theo dự án (project-based learning) như thiết kế sản phẩm du lịch, xây dựng kế hoạch marketing, lập đề án khởi nghiệp hoặc tổ chức các sự kiện du lịch. Các buổi phân tích tình huống (case study) đóng vai trò then chốt trong rèn luyện tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề, thường được lồng ghép vào môn học chuyên ngành hoặc các học phần thực hành mô phỏng.

Bên cạnh đó, sinh viên thường xuyên được tham gia các buổi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, resort, spa, khách sạn, hoặc chuyến thực địa, từ đó trải nghiệm thực tế và vận dụng kiến thức vào môi trường làm việc cụ thể. Phương pháp thảo luận nhóm, tranh biện, đàm thoại định hướng giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, xử lý tình huống linh hoạt trong môi trường đa văn hóa – một năng lực quan trọng trong ngành dịch vụ. Ngoài ra, các trò chơi mô phỏng doanh nghiệp (business game) và học phần tương tác trực tiếp với doanh nghiệp còn góp phần tăng cường khả năng phân tích – tổng hợp, đưa ra quyết định và tư duy hệ thống.

Việc ứng dụng công nghệ trong dạy và học cũng được chú trọng thông qua hệ thống học tập LMS, các phần mềm chuyên ngành như Amadeus, eZee, Canva, Trello, kết hợp với học liệu điện tử và video clip nghiệp vụ. Nhờ đó, sinh viên có thể rèn luyện thói quen học tập suốt đời, chủ động thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động và công nghệ trong ngành du lịch hiện đại.

- [1] Thuyết trình – Diễn giảng có minh họa
 - + Phương pháp truyền thống nhưng vẫn hữu ích trong việc truyền đạt hệ thống kiến thức lý thuyết nền tảng như lịch sử du lịch, khái niệm, nguyên lý quản trị. Giảng viên minh họa sinh động bằng video, sơ đồ, ảnh thực tế, giúp người học dễ hình dung và tiếp nhận kiến thức.
- [2] Học theo dự án (Project-based Learning)
 - + Sinh viên làm việc nhóm để xây dựng sản phẩm hoặc giải quyết một vấn đề thực tiễn như thiết kế tour du lịch, xây dựng kế hoạch marketing, đề án spa hoặc thực đơn khách sạn. Quá trình này giúp người học vận dụng kiến thức liên ngành và rèn luyện kỹ năng tư duy, quản lý thời gian, làm việc nhóm.
- [3] Phân tích tình huống (Case Study)

- + Giảng viên cung cấp các tình huống thực tế trong ngành du lịch như phàn nàn của khách hàng, khủng hoảng truyền thông, lỗi phục vụ khách sạn... Sinh viên phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp, từ đó hình thành tư duy phản biện và khả năng ra quyết định.
- [4] Thực hành – Thực tập – Thực địa
 - + Sinh viên được tham quan, thực hành tại doanh nghiệp như khách sạn, resort, trung tâm spa, công ty du lịch để áp dụng kiến thức đã học. Qua đó, người học hiểu sâu sắc nghiệp vụ, rèn luyện tác phong nghề nghiệp và nâng cao năng lực thích ứng.
- [5] Thảo luận nhóm – Tranh luận định hướng
 - + Phương pháp giúp sinh viên trao đổi, tranh luận có định hướng về các vấn đề xã hội, văn hóa, đạo đức nghề nghiệp hoặc dịch vụ khách hàng. Tăng cường khả năng giao tiếp, hợp tác và phản biện – những kỹ năng quan trọng trong môi trường du lịch đa văn hóa.
- [6] Trò chơi mô phỏng – Business Game
 - + Sử dụng các trò chơi nhập vai để mô phỏng quy trình kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng – khách sạn, tổ chức tour, lễ tân. Sinh viên nhập vai làm quản lý, nhân viên phục vụ, khách hàng, giúp hiểu sâu sắc quy trình và các tình huống nghề nghiệp.
- [7] Blended Learning (Dạy học kết hợp)
 - + Kết hợp giữa học trực tiếp và học trực tuyến thông qua hệ thống quản lý học tập (LMS). Sinh viên có thể truy cập video bài giảng, bài đọc mở rộng, kiểm tra đánh giá online giúp củng cố kiến thức ngoài giờ học chính thức.
- [8] Giảng dạy tích hợp liên môn (Interdisciplinary Teaching)
 - + Kết nối các môn như marketing, kế toán, luật du lịch vào nội dung thực hành để giải quyết vấn đề toàn diện. Ví dụ, khi thiết kế một tour, sinh viên phải vận dụng kiến thức pháp luật, chi phí, văn hóa và công nghệ.
- [9] Dạy học theo mô hình năng lực (Competency-based Learning)
 - + Chú trọng đầu ra về năng lực thực tiễn. Sinh viên được giao nhiệm vụ học tập gắn với các tiêu chí cụ thể như: “phân tích hiệu quả kinh doanh dịch vụ lưu trú” hay “lập kế hoạch tổ chức tiệc cưới tại resort”.
- [10] Sử dụng học liệu số và LMS
 - + Khai thác tài nguyên học liệu số (bài giảng, mô phỏng, video nghiệp vụ), phần mềm đặt vé (Amadeus), hệ thống quản lý khách sạn (eZee), phần mềm thiết kế (Canva) giúp người học tự học, thực hành linh hoạt theo tiến độ cá nhân.
- [11] Trải nghiệm – phản tư – khái quát – vận dụng (Experiential Learning Cycle)
 - + Sinh viên trải qua chu trình gồm: tham gia trải nghiệm (field trip, role-play) → phản tư (viết nhật ký học tập) → khái quát kiến thức → vận dụng vào bối cảnh mới. Phù hợp với học phần thực địa, chăm sóc sức khỏe tâm trí, kỹ năng hướng dẫn.
- [12] Hướng dẫn cá nhân – Huấn luyện (Mentoring/Coaching)
 - + Áp dụng cho học phần đề án, khóa luận hoặc thực tập tốt nghiệp. Giảng viên đóng vai trò cố vấn cá nhân, hỗ trợ nhóm sinh viên định hướng nghề nghiệp, phát triển sản phẩm, giải quyết khó khăn chuyên môn.
- [13] Trình bày và phản biện sản phẩm học tập (Presentation & Peer Review)
 - + Sinh viên trình bày sản phẩm học tập (tour mẫu, kịch bản quản trò, kế hoạch kinh doanh) và được nhận phản hồi từ bạn bè và giảng viên. Qua đó, sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trình bày và tự điều chỉnh để cải tiến sản phẩm.
- [14] Đóng vai – mô phỏng tình huống dịch vụ (Role-play & Scenario-based Learning)

- + Sinh viên đóng vai trong các tình huống như lễ tân tiếp khách, xử lý phàn nàn, điều phối tour... giúp phát triển kỹ năng mềm, xử lý linh hoạt các tình huống đa dạng trong ngành du lịch – khách sạn.

[15] Thực hành kỹ năng nghề tại phòng lab mô phỏng

- + Sử dụng các phòng thực hành mô phỏng buồng phòng, quầy bar, quầy lễ tân, nhà hàng để rèn luyện thao tác chuẩn, quy trình phục vụ chuyên nghiệp. Giảng viên hướng dẫn kỹ năng, đánh giá theo tiêu chí năng lực cụ thể.

14. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Phương pháp kiểm tra – đánh giá trong chương trình đào tạo ngành Du lịch được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa chuẩn đầu ra học phần, nội dung môn học và phương pháp giảng dạy. Quá trình đánh giá không chỉ nhằm kiểm tra mức độ ghi nhớ kiến thức, mà đặc biệt nhấn mạnh vào việc đánh giá khả năng vận dụng vào thực tiễn và phân tích – giải quyết vấn đề trong môi trường dịch vụ và đa văn hóa.

Cấu trúc đánh giá gồm ba thành phần chính: điểm quá trình học tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, và điểm thi kết thúc học phần, được phân bổ theo tỷ lệ linh hoạt, đảm bảo phần đánh giá liên tục (quá trình + giữa kỳ) chiếm dưới 50% tổng điểm học phần. Việc đánh giá quá trình được thực hiện thông qua các hình thức như: làm bài tập tình huống, trình bày dự án, phản biện nhóm, báo cáo thực hành, hoặc nhật ký học tập – phản ánh cá nhân. Các hoạt động này khuyến khích sinh viên tư duy phản biện, vận dụng kiến thức vào bối cảnh nghề nghiệp cụ thể và phát triển kỹ năng mềm.

Trong các học phần thực hành, thực địa, hoặc đề án, sinh viên được đánh giá dựa trên sản phẩm đầu ra (ví dụ: thiết kế tour, kế hoạch marketing, mô hình kinh doanh), mức độ tham gia, và hiệu quả làm việc nhóm. Các bài thuyết trình cá nhân và nhóm, sản phẩm sáng tạo, nhật ký thực tập cũng là căn cứ quan trọng để chấm điểm. Đối với các môn học chuyên ngành như “Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe chủ động”, “Nghề nghiệp khách sạn”, hoặc “Trò chơi kinh doanh”, sinh viên còn được đánh giá trực tiếp qua quan sát thực hành và năng lực xử lý tình huống mô phỏng.

Trong thi kết thúc học phần, ngoài bài viết tự luận hoặc trắc nghiệm, giảng viên có thể tổ chức hình thức đánh giá thay thế như: trình bày chuyên đề, bài thuyết trình phản biện, hoặc đề xuất cải tiến dịch vụ thực tế. Các tiêu chí đánh giá được công bố rõ ràng qua rubric và tiêu chuẩn đánh giá năng lực, đảm bảo tính công khai – minh bạch – phản hồi kịp thời.

Việc đánh giá được xem là quá trình học tập, không chỉ là kết quả, do đó được tích hợp xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động học tập nhằm tạo cơ hội cho sinh viên điều chỉnh và hoàn thiện kỹ năng một cách liên tục. Ngoài ra, phương pháp đánh giá còn chú trọng đến tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, giúp người học chủ động nhận diện năng lực bản thân, từ đó nâng cao ý thức học tập suốt đời – một phẩm chất quan trọng trong ngành du lịch hiện đại.

[1] Kiểm tra viết (trắc nghiệm, tự luận):

- + Đánh giá khả năng ghi nhớ, hiểu và vận dụng kiến thức lý thuyết vào phân tích tình huống thực tiễn. Thường dùng cho môn nền tảng như “Kinh tế du lịch”, “Pháp luật du lịch”.

[2] Làm bài tập tình huống (Case assignment):

- + Sinh viên phân tích tình huống cụ thể như xử lý sự cố khách sạn, khiếu nại của khách hàng, xây dựng tour thay thế... nhằm đánh giá năng lực tư duy phản biện và giải quyết vấn đề.

[3] Thuyết trình cá nhân/nhóm

- + Sinh viên trình bày kết quả học tập, sản phẩm dự án hoặc quan điểm cá nhân trước lớp, qua đó phát triển kỹ năng giao tiếp, trình bày, và phản biện – rất cần thiết trong ngành dịch vụ.

- [4] Bài tập lớn (Report/project)
 - + Sinh viên thực hiện một nhiệm vụ có cấu trúc như xây dựng kế hoạch tour, đề án spa, nghiên cứu thị trường, từ đó thể hiện khả năng tích hợp kiến thức liên ngành.
- [5] Sản phẩm dự án (Project-based output)
 - + Đánh giá theo sản phẩm cụ thể như brochure du lịch, fanpage quảng bá, thiết kế thực đơn, video clip giới thiệu điểm đến, nhằm đo mức độ sáng tạo và vận dụng kiến thức thực tế.
- [6] Thực hành tại phòng mô phỏng
 - + Quan sát và đánh giá kỹ năng thao tác nghiệp vụ như nghiệp vụ lễ tân, phục vụ bàn, nghiệp vụ buồng phòng... qua quy trình chuẩn, checklist và tiêu chí đánh giá cụ thể.
- [7] Bài kiểm tra thực hành cá nhân
 - + Sinh viên thực hiện kỹ năng thực tế (ví dụ: thuyết minh tour, chăm sóc khách tại spa, phục vụ tiệc buffet...), giảng viên đánh giá trực tiếp theo khung năng lực.
- [8] Đánh giá trong quá trình thực tập
 - + Sinh viên được đánh giá bởi giảng viên và doanh nghiệp tại nơi thực tập thông qua thái độ làm việc, năng lực chuyên môn, khả năng giao tiếp và thích ứng môi trường thực tế.
- [9] Nhật ký học tập – phản ánh cá nhân
 - + Sinh viên ghi chép quá trình học tập, trải nghiệm thực tế và tự đánh giá sự tiến bộ, giúp hình thành kỹ năng phản tư và ý thức học tập suốt đời.
- [10] Đánh giá qua trò chơi mô phỏng
 - + Trong các học phần như "Business Game", sinh viên được chấm điểm qua việc vận hành doanh nghiệp mô phỏng, phản ứng trong bối cảnh áp lực, từ đó đánh giá năng lực tổng hợp.
- [11] Bài viết phản biện/chuyên đề
 - + Sinh viên phân tích – phản biện một chủ đề (ví dụ: Du lịch bền vững, Tác động công nghệ đến trải nghiệm khách hàng...), thể hiện khả năng lập luận và kiến thức nền.
- [12] Đánh giá đồng đẳng (Peer assessment)
 - + Sinh viên tự đánh giá lẫn nhau trong nhóm dự án hoặc trình bày, giúp phát triển kỹ năng phản hồi xây dựng và nhìn nhận khách quan.
- [13] Tự đánh giá (Self-assessment)
 - + Sinh viên tự chấm điểm theo tiêu chí được định sẵn để phát hiện điểm mạnh – yếu, từ đó lập kế hoạch cải thiện năng lực.
- [14] Đánh giá bằng rubric chi tiết
 - + Giảng viên sử dụng bảng tiêu chí rõ ràng với các mức độ đạt được (từ chưa đạt đến xuất sắc), minh bạch, giúp sinh viên hiểu rõ yêu cầu và hướng cải thiện.
- [15] Bài thi kết thúc học phần thay thế
 - + Thay vì thi viết truyền thống, sinh viên có thể nộp sản phẩm cuối kỳ (ví dụ: đề án khởi nghiệp, thiết kế tour, khảo sát trải nghiệm khách hàng) để được chấm điểm toàn diện.

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

- [1] **Nội dung chương trình đào tạo gồm các phần:**
 - + Phần chung toàn trường:
 - Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Ngoại ngữ, Tin học đại cương ... đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.

- + Phần chung của một số ngành:
 - Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.
 - Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.
- + Các môn học của ngành:
 - Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiến trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.

[2] Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:

- + Môn học bắt buộc ----- Ký hiệu: [BB]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- + Môn học tự chọn ----- Ký hiệu: [TC]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- + Môn học thay thế = Môn học tương đương ----- Ký hiệu: [TT/TD]
 - Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.
 - Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.
- + Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
 - Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
 - Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
 - Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.
 - Môn học tiên quyết ----- Ký hiệu: [TQ]
 - Môn học trước ----- Ký hiệu: [Tr]
 - Môn học song hành ----- Ký hiệu: [SH]
- + Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:

- Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
- Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.

[3] Ký hiệu liên quan đến môn học

- + Môn học được thể hiện:
 - Mã số môn học: ----- [GS59001]
 - Tên môn học: ----- Tin học đại cương
 - Tín chỉ: ----- 2[2.0.4]
- + Có thể đọc và hiểu như sau:
 - Môn Tin học đại cương, 2 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
 - o Mã số “GS5” thể hiện Khoa/Ban chuyên môn phụ trách giảng dạy môn học.
 - o 2 x 15 tiết lý thuyết/bài tập trên lớp;
 - o 0 x 30 tiết thí nghiệm/thực hành /thảo luận tại phòng thí nghiệm/xưởng thực hành/phòng chuyên đề/phòng học/phòng máy;
 - o 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

16. Mô tả tóm tắt môn học:

[1] Kiến thức Giáo dục chuyên biệt

- [MI03002] Giáo dục Quốc phòng - An ninh -----0[6.3.16]
- [GS99005] Giáo dục thể chất 1 ----- 0[0.2.3]
- + Phần lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của Giáo dục thể chất với sinh viên, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.
 - + Phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (chạy 5 phút tùy sức) và môn thể dục (bài tập thể dục phát triển chung 50 động tác).
- [GS99006] & [GS99007] Giáo dục thể chất 2 và 3 (Tự chọn bắt buộc) ----- 0[0.2.3]
- + Chọn 02 trong 05 nội dung sau:
 - + Môn Aerobic:
 - Nhận thức được về sự ảnh hưởng của việc tập luyện thể dục thể thao đối với sức khỏe con người; vai trò của Giáo dục thể chất trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Aerobic đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn Thể dục Aerobic. Thực hiện tốt bài Aerobic cơ bản mẫu, hiểu luật và có thể biên soạn được bài Aerobic.
 - + Môn Bóng bàn cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng bàn, luật môn bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn (cách cầm vợt đúng trong bóng bàn, tư thế di chuyển đơn, kép, bước chéo. Tư thế chuẩn bị đánh bóng. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay, đẩy bóng trái tay cơ bản, giao bóng thuận tay, trái tay (không xoáy) cơ bản, giao bóng thuận tay xoáy lên, giao bóng trái tay xoáy lên, các bài tập phát triển thể lực.
 - + Bóng chuyền cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

- Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyển bóng, phát bóng và đập bóng).
- + Bóng rổ cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng rổ, luật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, tại chỗ ném rổ một tay trên vai, hai bước ném rổ một tay trên vai).
- + Cầu lông cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn Cầu lông, luật Cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông (cách cầm vợt, tư thế di chuyển đơn bước, đa bước, giao cầu trái tay, giao cầu thuận tay, đánh cầu cao thuận tay (lốp cầu), đánh cầu thấp hai bên và phía trước (đánh cầu mạnh cuối sân), các bài tập phát triển thể lực.

[2] Kiến thức Giáo dục đại cương

Nhóm môn Khoa học tự nhiên

[GS59003] Tin học đại cương và thực hành ----- 3[2.1.5]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức nền tảng và ứng dụng của tin học, giúp sinh viên sử dụng máy tính và các phần mềm thành thạo.
- + Nội dung:
 - Hệ điều hành Windows: quản lý tập tin, thư mục, sử dụng các tiện ích.
 - Internet: sử dụng trình duyệt, tìm kiếm thông tin, tạo email, facebook.
 - Powerpoint: tạo trình chiếu, thiết kế, hiệu ứng, chèn multimedia.
 - Word: soạn thảo văn bản, định dạng, chèn hình ảnh, bảng biểu, trộn thư.
 - Excel: nhập liệu, tính toán, hàm, thống kê, dò tìm, biểu đồ.
- + Kết quả dự kiến:
 - Sinh viên có khả năng sử dụng các kỹ thuật tin học cơ bản.
 - Sử dụng thành thạo Word, Excel, Powerpoint.
 - Thực hiện các thao tác xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu.

[BA09055] Phương pháp luận và cách tiếp cận khoa học ----- 3[1.2.4]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về phương pháp luận, tư duy logic, quy trình làm việc khoa học, kỹ thuật đọc, trình bày, thu thập, xử lý thông tin.
- + Nội dung:
 - Khái quát về phương pháp luận khoa học.
 - Phương pháp làm việc, tư duy khoa học.
 - Ứng dụng sơ đồ tư duy.
 - Kỹ thuật thu thập, xử lý thông tin.
 - Kỹ thuật đọc, phân tích tổng hợp.
 - Kỹ thuật trình bày thông tin.
- + Kết quả đầu ra:
 - Nắm bắt quy trình, yêu cầu, bước làm việc khoa học.
 - Trình bày vấn đề, đọc tài liệu khoa học, tư duy phản biện, làm việc nhóm.

[TO09001] Môi trường và quy hoạch du lịch ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Nắm bắt kiến thức về quy hoạch, môi trường du lịch, đánh giá tài nguyên, tác động môi trường, phát triển du lịch bền vững.
- + Nội dung:
 - Quy hoạch du lịch, đánh giá tài nguyên, cơ sở vật chất.

- Quy hoạch vùng biển đảo, vùng núi, đô thị, nông thôn.
- Phát triển sản phẩm du lịch có trách nhiệm.
- + Kết quả đầu ra:
 - Hiểu, phân tích quy hoạch, môi trường du lịch, đánh giá tài nguyên.
 - Phân tích tác động, đề xuất giải pháp, làm việc nhóm, thuyết trình.

Nhóm môn Khoa học xã hội

[GS19007] Tiếng Anh 1 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến con người, nơi chốn, các đồ vật trong gia đình, số đếm, số thứ tự, các thông tin cơ bản về một số quốc gia trên thế giới, thời gian rảnh, thức ăn, tiền tệ, phân biệt tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.

[GS19008] Tiếng Anh 2 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 2 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến du lịch, ngoại hình, phim ảnh, nghệ thuật, các lĩnh vực khoa học và công nghệ, ngành du lịch và môi trường trên trái đất.

[GS19009] Tiếng Anh 3 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến sức khỏe, những cuộc thi đấu, phương tiện giao thông, sự phiêu lưu, môi trường và những giai đoạn trong cuộc đời.

[GS19010] Tiếng Anh 4 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 4 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến công việc, công nghệ, ngày nghỉ, du lịch, sản phẩm, lịch sử và thiên nhiên.

[GS29001] Pháp luật Việt Nam đại cương ----- 3[2.1.6]

- + Cung cấp những khái niệm cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống xã hội.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản về tổ chức Bộ máy nhà nước CHXHCNVN.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản của các ngành luật: Luật Hiến pháp; Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự, Luật tố tụng Dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân gia đình; và khái quát các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

[GS79005] Triết học Mác - Lênin ----- 3[3.0.6]

- + Triết học Mác - Lênin nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- + Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người.

[GS79006] Kinh tế chính trị Mác - Lênin ----- 2[2.0.5]

- + Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vận dụng của Đảng ta vào

việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vấn đề hội nhập kinh tế thế giới và lợi ích trong nền kinh tế.

[GS79007] Chủ nghĩa xã hội khoa học ----- 2[2.0.5]

- + Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- + Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH nhằm làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

[GS79008] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ----- 3[3.0.6]

- + Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích cực tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.
- + Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- + Ngoài chương mở đầu, chương kết luận, nội dung gồm 3 chương:
 - Chương I: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)
 - Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)
 - Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)
 - Chương kết luận: Những thắng lợi lịch sử và một số bài học lớn.

[GS79009] Tư tưởng Hồ Chí Minh ----- 2[2.0.5]

- + Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

[TO09002] Giao tiếp và công cụ quảng bá trong du lịch ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về nguyên lý, kỹ năng giao tiếp, công cụ truyền thông, ứng dụng vào thực tiễn.
- + Nội dung:
 - Khái quát về giao tiếp, truyền thông giao tiếp.
 - Các yếu tố ảnh hưởng, xây dựng khái niệm bản thân trong giao tiếp.
 - Phương tiện giao tiếp, giao tiếp đa văn hóa.
 - Quảng cáo, khuyến mại, quan hệ công chúng.
 - Kết quả đầu ra:
 - Hiểu, vận dụng kỹ năng giao tiếp, công cụ truyền thông.
- + Ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, thuyết trình, làm việc nhóm.

[TO09003] Văn hóa và các kỹ năng liên văn hóa----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Hiểu, phân tích các khái niệm về văn hóa, liên văn hóa, giao tiếp liên văn hóa, ứng dụng vào môi trường đa văn hóa.
- + Nội dung:
 - Khái niệm, định hướng nghề nghiệp về giao tiếp liên văn hóa.
 - Kỹ năng giao tiếp liên văn hóa.
 - Giá trị văn hóa đặc trưng của các quốc gia.
- + Kết quả đầu ra:
 - Nắm bắt, giải thích khái niệm, giá trị văn hóa, kỹ năng giao tiếp.
 - Ứng dụng vào công việc, rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình.
 - Nguồn và nội dung liên quan

Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp

Nhóm môn Cơ sở ngành

[TO09004] Nguyên lý ngành Công nghiệp dịch vụ và du lịch ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức cơ bản về công nghiệp dịch vụ và du lịch, bao gồm khái niệm, lịch sử, cơ hội nghề nghiệp, tổ chức, hệ thống vận chuyển, công nghệ đón tiếp, dịch vụ.
- + Nội dung:
 - Khái niệm du lịch, khách du lịch, các thành phần cơ bản của hoạt động du lịch.
 - Lịch sử phát triển du lịch Việt Nam.
 - Cơ hội nghề nghiệp du lịch.
 - Các tổ chức quốc tế, khu vực và quốc gia về du lịch.
 - Hệ thống vận chuyển trong du lịch.
 - Công nghệ đón tiếp và các dịch vụ liên quan.
 - Các tổ chức trong quá trình phân phối du lịch.
 - Du lịch sự kiện và các hoạt động giải trí.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu và phân tích các khái niệm, hoạt động, cơ hội nghề nghiệp trong ngành du lịch.

[TO09005] Phát triển nghề nghiệp----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về phát triển nghề nghiệp, bao gồm khái niệm, các mô hình nghề nghiệp, các bước phát triển, kỹ năng cần thiết, cơ hội nghề nghiệp.
- + Nội dung:
 - Khái quát về nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp: khái niệm, tầm quan trọng.
 - Các mô hình nghề nghiệp: lý thuyết John Holland, mô hình RIASEC.
 - Các bước phát triển nghề nghiệp: tìm hiểu bản thân, xác định điểm mạnh, điểm yếu.
 - Kỹ năng mềm về hành chính quản trị: kỹ năng cần thiết cho công việc.
 - Chia sẻ từ chuyên gia về ngành nghề: cơ hội nghề nghiệp, định hướng nghề nghiệp.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu rõ bản thân, xác định điểm mạnh, điểm yếu, lựa chọn ngành nghề phù hợp, vạch ra con đường nghề nghiệp.

[TO09006] Du lịch thông minh----- 3[1.2.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức cơ bản về du lịch thông minh, bao gồm khái niệm, quá trình phát triển, ứng dụng công nghệ, tác động đến ngành du lịch, doanh nghiệp du lịch.
- + Nội dung:
 - Tổng quan về du lịch thông minh: khái niệm, thuật ngữ, quá trình phát triển.
 - Du lịch điện tử và du lịch thông minh: so sánh, phân tích.
 - Bùng nổ công nghệ: các khái niệm quan trọng (tháp DIKW, đổi mới công nghệ).
 - Ứng dụng công nghệ trong chiến lược và vận hành du lịch.
 - Thành phố thông minh và điểm đến du lịch thông minh: khái niệm, xu hướng, ví dụ.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) trong quá trình chuyển đổi lên du lịch thông minh.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu và phân tích tác động của du lịch thông minh đến ngành du lịch, doanh nghiệp du lịch.

[TO09007] Kinh tế du lịch----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức cơ bản về kinh tế và kinh doanh du lịch, bao gồm thị trường, sản phẩm, dịch vụ, điều kiện phát triển, tính thời vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực và hiệu quả kinh tế du lịch.
- + Nội dung:
 - Khái quát về du lịch và kinh tế du lịch: khái niệm, lịch sử, đặc điểm, lợi ích.
 - Thị trường du lịch: khái niệm, đặc điểm, chức năng, phân loại, cầu, cung, xu hướng phát triển.
 - Sản phẩm và dịch vụ du lịch: khái niệm, yếu tố cấu thành, đặc tính, chất lượng.
 - Điều kiện phát triển du lịch: điều kiện chung, điều kiện đặc trưng, tài nguyên du lịch.
 - Tính thời vụ trong du lịch: khái niệm, đặc điểm, nhân tố tác động, biện pháp giảm thiểu tác động bất lợi.
 - Nhân lực du lịch: vai trò, quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp.
 - Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: khái niệm, vai trò, đặc điểm, yêu cầu, đánh giá, xu hướng phát triển.
 - Hiệu quả kinh tế du lịch: khái niệm, phân loại, chỉ tiêu đánh giá, giải pháp nâng cao hiệu quả.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể đánh giá và phân tích thị trường du lịch, đánh giá hiệu quả kinh tế trong du lịch.

[TO09008] Marketing du lịch----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về marketing du lịch, bao gồm khái niệm, quy trình, kế hoạch marketing, marketing mix, e-marketing, kỹ năng sales.
- + Nội dung:
 - Khái niệm, vai trò, tầm quan trọng của marketing du lịch.
 - Phân tích nhu cầu khách hàng, thị trường.
 - Xây dựng chiến lược marketing, phân khúc thị trường, định vị sản phẩm.
 - Môi trường marketing, các yếu tố vi mô và vĩ mô.
 - Nghiên cứu thị trường, thu thập và xử lý thông tin.
 - Marketing mix: sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến.
 - E-marketing, social media marketing, mobile marketing.
 - Kỹ năng sales, bán hàng cá nhân, quản lý bán hàng.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể xây dựng kế hoạch marketing, phân tích sản phẩm du lịch, thiết kế chiến lược marketing.

[TO09009] Kế toán tài chính trong du lịch ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức cơ bản về kế toán du lịch, bao gồm vai trò, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp, nguyên tắc kế toán và tài chính.
- + Nội dung:
 - Các vấn đề chung về kế toán: định nghĩa, đối tượng sử dụng thông tin, nhiệm vụ, yêu cầu, nguyên tắc, phương pháp.
 - Báo cáo tài chính: nội dung, bảng cân đối kế toán, bảng kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Tài khoản kế toán và cách ghi sổ kế toán.
 - Tính giá các đối tượng kế toán.
 - Chứng từ, sổ sách kế toán.
 - Kế toán các quá trình kinh doanh của ngành du lịch.

- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể lập chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán; lên bảng chi phí, doanh thu và xác định lợi nhuận kinh doanh.

[TO09010] Phát triển du lịch bền vững ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về phát triển du lịch bền vững, bao gồm khái niệm, các thành tố, các tổ chức quốc tế, yếu tố ảnh hưởng, tiêu chí đánh giá, các vấn đề thực tiễn.
- + Nội dung:
 - Giới thiệu về du lịch bền vững: khái niệm, tầm quan trọng.
 - Các thành tố của du lịch bền vững: kinh tế, xã hội, môi trường.
 - Các tổ chức quốc tế về hợp tác và phát triển du lịch bền vững.
 - Yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững: vai trò của các bên liên quan.
 - Tiêu chí đánh giá du lịch bền vững: các chỉ số, bộ tiêu chí.
 - Các vấn đề thực tiễn về du lịch bền vững: các tình huống, études de cas.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu và phân tích các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch bền vững, áp dụng kiến thức vào thiết kế sản phẩm, quy hoạch du lịch.

[TO19001] Tiếng Anh du lịch 1 ----- 2[1.1.3]

- + Giới thiệu kiến thức cơ bản về du lịch quốc tế, các công việc trong ngành du lịch, cách thức đặt chỗ và xác nhận thông tin. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các điểm đến du lịch, số liệu thống kê du lịch, các loại hình công việc trong ngành du lịch và các kỹ năng cần thiết cho từng công việc. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng giao tiếp cơ bản như đặt chỗ, xác nhận thông tin và viết thư xin việc.

[TO19002] Tiếng Anh du lịch 2 ----- 2[1.1.3]

- + Mở rộng kiến thức về trung tâm thông tin du lịch, các loại hình tour du lịch, cách thức xử lý yêu cầu của khách hàng và giới thiệu thông tin du lịch địa phương. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về vai trò của trung tâm thông tin du lịch, cách thức tổ chức các tour du lịch trọn gói, cách thức giao tiếp với khách hàng và xử lý các yêu cầu của họ. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng thuyết trình và thuyết phục khách hàng.

[TO19003] Tiếng Anh du lịch 3 ----- 3[2.1.5]

- + Nâng cao kỹ năng giao tiếp trong các tình huống thực tế tại khách sạn, nhà hàng, và trong các hoạt động du lịch ngoài trời. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các dịch vụ khách sạn, quy trình nhận phòng và trả phòng, cách thức giao tiếp với khách hàng trong nhà hàng, cách thức xử lý khiếu nại của khách hàng. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng lập kế hoạch du lịch và thuyết trình về các địa điểm du lịch.

[TO19004] Tiếng Anh du lịch 4 ----- 3[2.1.5]

- + Hoàn thiện kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành, tập trung vào giao tiếp trong vận chuyển hàng không, nghiệp vụ khách sạn, marketing du lịch, và đàm phán. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các quy định và thủ tục trong vận chuyển hàng không, các nghiệp vụ buồng phòng trong khách sạn, các chiến lược marketing du lịch, và các kỹ thuật đàm phán. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định trong các tình huống thực tế.

Nhóm môn Chuyên ngành

[TO09011] Thực địa du lịch----- 1[0.1.1]

- + Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu rõ mô hình thực tế về dịch vụ nghỉ dưỡng, Spa, quan sát và nắm bắt các đặc điểm, quy trình phục vụ, đồng thời rèn luyện các kỹ năng thực địa.
- + Nội dung:
 - Tổng quan về resort, cơ chế hoạt động, các bộ phận chính.
 - Tham quan bộ phận dịch vụ chính của resort, chú trọng vào Spa, chăm sóc sức khỏe.

- Nghe chia sẻ từ doanh nghiệp.
- Viết báo cáo thực địa.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên hiểu rõ mô hình nghỉ dưỡng, Spa, nắm bắt các đặc điểm, quy trình phục vụ, có ý thức tổ chức, kỷ luật, chủ động, tích cực trong học tập.

[TO09015] Hệ thống đặt chỗ trong du lịch ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Cung cấp khái niệm về kênh phân phối du lịch và hệ thống đặt chỗ toàn cầu (GDS), giới thiệu về các công ty du lịch trực tuyến (OTA), giúp sinh viên làm quen với thao tác đặt chỗ vé máy bay, khách sạn.
- + Nội dung:
 - Kênh phân phối du lịch: khái niệm, các loại, khía cạnh đạo đức, tính bền vững.
 - Marketing điểm đến du lịch.
 - Hệ thống GDS: khái niệm, cách sử dụng, các chức năng (encode, decode, flight availability, PNR, flight booking).
 - Cơ sở dữ liệu.
 - So sánh các hệ thống GDS hiện nay.
 - Mô hình kinh doanh, chiến lược phát triển của khách sạn, quản lý doanh thu.
 - Mô hình OTA, kênh phân phối truyền thống, metasearch.
 - Kênh phân phối trực tiếp, marketing trực tuyến (organic, mất phí, email, social media).
 - Làm việc với OTA: thông tin thị trường, đánh giá người dùng, giá cả, quản lý phòng trống.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu và vận dụng kiến thức về hệ thống đặt chỗ, GDS, OTA trong kinh doanh du lịch.

[TO09016] Xã hội học du lịch ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về xã hội học du lịch, mối quan hệ xã hội trong du lịch, vai trò của du lịch trong việc phát triển xã hội, ảnh hưởng của du lịch đối với văn hóa, xã hội.
- + Nội dung:
 - Nhu cầu và động cơ du lịch: nhu cầu của con người, nhu cầu của người đi du lịch, động cơ đi du lịch, các yếu tố ảnh hưởng.
 - Hành vi tiêu dùng trong du lịch: quá trình; yếu tố văn hóa, xã hội và tâm lý.
 - Phân loại du khách: các yếu tố liên quan, các loại hình du khách.
 - Phương pháp nghiên cứu xã hội học du lịch.
 - Ảnh hưởng văn hóa xã hội của du lịch.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên hiểu biết về các mối quan hệ xã hội trong du lịch, vai trò của du lịch trong việc phát triển xã hội, ảnh hưởng của du lịch đối với văn hóa, xã hội.

[TO09017] Kỹ năng xây dựng hệ sinh thái ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Giúp sinh viên thiết lập các khái niệm về hệ sinh thái, các yếu tố tác động, cách vận hành, từ đó hình thành kỹ năng phân tích và xây dựng hệ sinh thái doanh nghiệp hiệu quả, bền vững.
- + Nội dung:
 - Khái niệm về hệ sinh thái.
 - Các đơn vị liên quan và tác động đến sự phát triển của hệ sinh thái doanh nghiệp.
 - Các cơ hội và thách thức trong việc xây dựng, duy trì một hệ sinh thái doanh nghiệp bền vững.
 - Vai trò của hệ sinh thái trong xây dựng lợi thế cạnh tranh.
 - Tư duy sáng tạo để duy trì hệ sinh thái bền vững.
 - Kỹ năng đàm phán và khả năng đảm nhận vai trò liên tổ chức.
 - Các vấn đề về đạo đức kinh doanh.

- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu, phân tích và xây dựng hệ sinh thái doanh nghiệp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng liên quan như tư duy phản biện, làm việc nhóm, đàm phán, giao tiếp.

[TO09012] Chuyên đề 1: Kỹ năng quản trò----- 1[1.0.2]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức cơ bản, kỹ năng về quản trò, giúp sinh viên tổ chức trò chơi, xây dựng kịch bản quản trò phù hợp với sự kiện.
- + Nội dung:
 - Khái niệm về quản trò, hoạt náo.
 - Các trò chơi trong nhà, ngoài trời.
 - Cải biên trò chơi.
 - Thực hành quản trò.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể tổ chức trò chơi, xây dựng kịch bản quản trò, áp dụng cách thức quản trò.

[TO09013] Chuyên đề 2: Y tế du lịch ----- 1[1.0.2]

- + Mục tiêu: Trang bị kỹ năng sơ cấp cứu, giúp sinh viên nhận diện, xử lý các vấn đề sức khỏe cơ bản, cung cấp sơ cứu ban đầu cho khách du lịch, tương tác với cơ quan y tế.
- + Nội dung:
 - Nguyên tắc cơ bản trong sơ cấp cứu tai nạn thương tích.
 - Kỹ thuật di chuyển nạn nhân.
 - Sơ cứu dị vật, tắc đường thở.
 - Sơ cứu chảy máu, sốc.
 - Sơ cứu các vết thương phần mềm, băng bó.
 - Sơ cứu gãy xương.
 - Sơ cứu ngộ độc cấp, động vật cắn, đốt.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể thực hiện các thao tác sơ cấp cứu cơ bản, xử lý các tình huống khẩn cấp khi đi du lịch.

[TO09014] Chuyên đề 3: Thủ tục xuất nhập cảnh ----- 1[1.0.2]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức cơ bản về quy trình làm xuất nhập cảnh, giúp sinh viên hiểu các thủ tục tại sân bay, quy trình xin thị thực, các quy định về visa của các quốc gia.
- + Nội dung:
 - Chức năng, vai trò của quản lý xuất nhập cảnh.
 - Các khái niệm: xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.
 - Hộ chiếu, thị thực, các vấn đề liên quan.
 - Bộ phận xuất nhập cảnh trong công ty du lịch.
 - Hệ thống văn bản, giấy tờ trong xin visa.
 - Quy trình xin thị thực nhập cảnh quốc tế.
 - Thủ tục tại sân bay: check-in, xuất cảnh, nhập cảnh.
 - Giấy tờ cần thiết, lưu ý khi xuất nhập cảnh.
 - Đặc thù về visa của các quốc gia: Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Dubai, Úc, Châu Âu, Canada, Mỹ, Hàn Quốc.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu và vận dụng kiến thức về thủ tục xuất nhập cảnh, giải quyết các tình huống thực tế, xử lý hồ sơ.

[TO09020] Nguyên lý khởi nghiệp và đề án du lịch 1 ----- 2[1.1.3]

- + Sinh viên tập hợp thành nhóm bao gồm 05 thành viên và đăng ký nhóm với người điều phối đề án 1. Vốn ngân sách được nhà trường cấp cho mỗi nhóm sinh viên và được giải ngân khi sinh viên chốt ý tưởng khởi nghiệp và đăng ký với giảng viên hướng dẫn.

[TO09021] Nguyên lý khởi nghiệp và đề án du lịch 2 ----- 3[1.2.6]

- + Sinh viên tập hợp thành nhóm bao gồm 05 thành viên và đăng ký nhóm với người điều phối đề án 2. Khác với đề án 1, vốn ngân sách cho đề án không được nhà trường cung cấp, mà nhóm sinh viên phải tự xin tài trợ ở bên ngoài thông qua việc thuyết phục đầu tư vào ý tưởng kinh doanh.
- + Nhóm sinh viên có trách nhiệm đặt lịch hẹn và dự họp với giảng viên hướng dẫn theo mốc thời gian được nêu trong đề cương. Tùy theo yêu cầu, giảng viên hoặc nhóm có thể đề xuất thêm cuộc họp nhóm để đảm bảo tiến độ công việc.
- + Nhóm sinh viên sẽ tiến hành các công việc theo kế hoạch đặt ra dưới sự cố vấn của giảng viên hướng dẫn.
- + Kết quả của môn học được đánh giá dựa trên việc đánh giá kết quả thực tế của dự án và báo cáo tự đánh giá của nhóm.

[TO09018] Thực tập chuyên ngành 01 ----- 2[0.2.2]

- + Mục tiêu: Giúp sinh viên trải nghiệm thực tế tại Resort/Spa, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào công việc, học hỏi phong cách làm việc, cải thiện ngoại ngữ và rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành.
- + Nội dung:
 - Chuẩn bị cho chuyến thực tập: quy định, yêu cầu, kỹ năng cần thiết.
 - Thực tập doanh nghiệp: vận dụng kiến thức, kỹ năng, báo cáo, trao đổi giảng viên.
 - Báo cáo thực tập.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên hiểu rõ về môi trường làm việc thực tế, áp dụng kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng, giao tiếp, ngoại ngữ, và có định hướng nghề nghiệp rõ ràng hơn.

[TO09019] Thực tập chuyên ngành 02 ----- 3[0.3.3]

- + Mục tiêu: Giúp sinh viên trải nghiệm thực tế tại Resort/Spa, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào công việc, học hỏi phong cách làm việc, cải thiện ngoại ngữ và rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành.
- + Nội dung:
 - Chuẩn bị cho chuyến thực tập: quy định, yêu cầu, kỹ năng cần thiết.
 - Thực tập doanh nghiệp: vận dụng kiến thức, kỹ năng, báo cáo, trao đổi giảng viên.
 - Báo cáo thực tập.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên hiểu rõ về môi trường làm việc thực tế, áp dụng kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng, giao tiếp, ngoại ngữ, và có định hướng nghề nghiệp rõ ràng hơn.

Nhóm môn Chuyên ngành Du lịch sức khỏe

[TO09024] Dẫn nhập về Du lịch sức khỏe ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức cơ bản về du lịch chữa bệnh và du lịch sức khỏe, phân biệt hai loại hình và tác động của chúng trong ngành du lịch.
- + Nội dung:
 - Khái niệm, lịch sử du lịch chữa bệnh, phân loại khách, các loại hình.
 - Các yếu tố tác động hình thành du lịch chữa bệnh.
 - Cung và cầu trong du lịch chữa bệnh.
 - Lợi ích, rào cản của du lịch chữa bệnh.
 - Khái niệm, lịch sử, phân loại du lịch sức khỏe.
 - Các tác động, tương lai của du lịch sức khỏe.
 - Case study tại một số nước.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể phân biệt du lịch chữa bệnh và du lịch sức khỏe, hiểu rõ khái niệm, lịch sử, tác động, lợi ích, rào cản của từng loại hình.

[TO09022] Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe chủ động 1 ----- 2[1.1.3]

- + Mục tiêu: Giới thiệu các phương pháp Yoga, Thiền, cung cấp các bài tập để sinh viên áp dụng cho bản thân, khách hàng và thiết kế hoạt động trong du lịch.
- + Nội dung:
 - Triết lý Thiền và Yoga, kỹ thuật thực hành các tư thế.
 - Yoga và stress.
 - Đạo đức và Thiền, mục đích của Thiền.
 - Các bước hành Thiền, bài tập Thiền.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể thực hành các tư thế Yoga, Thiền, hiểu rõ mục tiêu, cách thức ứng dụng, thiết kế bài tập, giải thích và thực hành các động tác.

[TO09023] Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe chủ động 2 ----- 2[1.1.3]

- + Mục tiêu: Giới thiệu các phương pháp massage, bấm huyệt, các huyệt đạo, kinh lạc, giúp sinh viên cung cấp dịch vụ thư giãn cho khách hàng.
- + Nội dung:
 - Khái quát về sức khỏe, hệ thống kinh lạc.
 - Kỹ thuật massage: lịch sử, các hình thức.
 - Các loại bệnh thông thường và kinh lạc, thực hành bấm huyệt, massage.
 - Các loại hương liệu trong massage, tham quan cơ sở.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể nắm vững kiến thức về kinh lạc, huyệt đạo, kỹ thuật massage, bấm huyệt, ứng dụng vào thực tế, thiết kế dịch vụ.

[TO09025] Dinh dưỡng trong chăm sóc sức Khỏe ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về dinh dưỡng, giúp sinh viên xây dựng chế độ ăn uống khoa học, lành mạnh cho bản thân và hướng dẫn cho khách hàng.
- + Nội dung:
 - Khái niệm, vai trò của dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng cơ bản.
 - Thực trạng béo phì, giải pháp, vai trò của nước.
 - Hệ tiêu hóa, bệnh lý, giải pháp.
 - Vai trò của tinh bột, tiểu đường, mất cân bằng đường huyết.
 - Tầm quan trọng của đạm, chất béo, vitamin, khoáng chất.
 - Đọc nhãn hiệu sản phẩm, nhaus ăn healthy.
 - Dinh dưỡng và vận động.
 - Nguyên liệu cho cơ thể khỏe mạnh.
 - Thực địa.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể xây dựng chế độ ăn uống khoa học, lành mạnh, hiểu rõ vai trò của các chất dinh dưỡng, thiết kế thực đơn, xử lý tình huống về sức khỏe.

[TO09026] Quản lý dịch vụ Spa----- 3[2.1.5]

- + Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu tổng quát về dịch vụ Spa, phân loại, vai trò, phương thức vận hành hiệu quả.
- + Nội dung:
 - Lịch sử, triết lý, xu hướng, liệu trình, các loại hình Spa.
 - Các mô hình Spa, so sánh, phân tích chi phí, thương mại điện tử, pháp lý.
 - Nguyên lý, thực hành Spa trong hành vi khách hàng.
 - Dịch vụ chăm sóc khách hàng.
 - Thực địa: tham quan Spa.
 - Vận hành, quản lý Spa.
 - Sản phẩm Spa, kỹ năng bán hàng.
 - Marketing cho Spa.
 - Phát triển chiến lược nhân sự.
 - Quản trị tài chính.

- Đào tạo, phát triển trong ngành Spa.
- Lập kế hoạch kinh doanh Spa.
- Các xu hướng phát triển Spa trong tương lai.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu rõ khái niệm, loại hình, vai trò của Spa, có kỹ năng quản lý, vận hành, thiết kế dịch vụ, nắm bắt xu hướng phát triển của ngành Spa.

[TO09027] Dịch vụ khách hàng du lịch chăm sóc sức khỏe ----- 3[1.2.4]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về bản chất dịch vụ, các yếu tố cạnh tranh, sự hài lòng của khách hàng, đặc biệt trong Du lịch sức khỏe (DLSK).
- + Nội dung:
 - Tầm quan trọng của người phục vụ, vai trò, năng lực.
 - Các xu hướng, sản phẩm chủ đạo trong DLSK.
 - Truyền thông giá trị cốt lõi, văn hóa nơi làm việc.
 - Tuyển chọn nhân viên trong ngành dịch vụ cao cấp.
 - Nhu cầu, động lực của khách hàng lựa chọn DLSK.
 - Giá trị "Wow" trong chăm sóc khách hàng.
 - Nghiên cứu điển hình, áp dụng thực tế.
 - Thực hành tại điểm DLSK.
 - Xử lý tình huống trong DLSK.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên hiểu rõ bản chất dịch vụ, các yếu tố cạnh tranh, sự hài lòng của khách hàng trong DLSK, có kỹ năng xử lý tình huống, thiết kế quy trình, xây dựng giải pháp.

[TO09028] Chăm sóc sức khỏe tâm trí ----- 3[2.1.5]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức về tâm lý khách du lịch, liệu pháp thư giãn, tầm quan trọng của du lịch sức khỏe, hướng đến sự chuyên nghiệp trong dịch vụ chăm sóc khách hàng.
- + Nội dung:
 - Chăm sóc sức khỏe tinh thần trong du lịch: khái niệm, nhận diện, dược liệu, hương liệu, chuyển động cơ thể, bài thực hành trị liệu.
 - Tâm lý du khách lựa chọn du lịch sức khỏe tâm trí: theo châu lục, quốc gia, dân tộc, lứa tuổi, giới tính, mục tiêu.
 - Thiết kế, tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm trí: thiền vẽ, thiền chánh niệm, thư giãn với màu sắc, chuyển động, thiên nhiên.
 - Thực hành ngoài trời: thiền vẽ, thiền hành, kết nối với thiên nhiên.
 - Bài tập nhóm: thiết kế dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm trí.
 - Thực hành giải phóng năng lượng: nhảy.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể thiết kế, tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm trí cho du khách; hiểu rõ tâm lý du khách, quản lý cảm xúc, rủi ro và thể hiện tinh thần trách nhiệm cao.

[TO09029] Quản trị điểm đến du lịch sức khỏe ----- 3[1.2.5]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về điểm đến du lịch, tiêu chí, tính cạnh tranh, quản lý, phát triển sản phẩm, giúp sinh viên thiết kế sản phẩm du lịch sức khỏe.
- + Nội dung:
 - Tầm quan trọng của quản trị điểm đến, lý do, tính cạnh tranh.
 - Môi trường vĩ mô, vi mô của điểm đến.
 - Tài nguyên, yếu tố hấp dẫn của điểm đến du lịch sức khỏe.
 - Các nhân tố hỗ trợ: hạ tầng, tiếp cận, nguồn lực, chính sách.
 - Các yếu tố quyết định chất lượng.
 - Khảo sát thực địa, đánh giá sự hài lòng của khách.
 - Quy trình quản trị điểm đến, tổ chức, phát triển sản phẩm.
 - Quản trị chất lượng, rủi ro.

- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu rõ các yếu tố cấu thành điểm đến, tầm quan trọng, tính cạnh tranh, thiết kế sản phẩm du lịch sức khỏe, đánh giá sự hài lòng của khách.

Nhóm môn Chuyên ngành Quản trị nhà hàng khách sạn

[TO09033] Nghiệp vụ sommelier cơ bản----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức, kỹ năng về các loại thức uống có cồn (bia, rượu mạnh, sake, vang), cách phục vụ, tư vấn khách hàng, kết hợp thức uống và món ăn.
- + Nội dung:
 - Tổng quan về ngành công nghiệp rượu vang.
 - Các loại vang, cách phân loại, sản xuất, đặc điểm.
 - Nghiệp vụ Sommelier: bảo quản, phục vụ các loại thức uống có cồn.
 - Kết hợp vang và món ăn.
 - Vang từ các nước trên thế giới.
 - Rượu mạnh, bia, sake, cider.
 - Thực hành.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể ứng tuyển vào vị trí Sommelier, am hiểu về rượu vang, rượu mạnh, sake, bia, kỹ thuật thử nếm, kết hợp thức uống và món ăn.

[TO09034] Nghiệp vụ nhà hàng----- 3[2.1.5]

- + Mục tiêu: Cung cấp kỹ thuật, kỹ năng phục vụ ẩm thực, giúp sinh viên vận dụng nghiệp vụ, quy trình phục vụ vào môi trường nhà hàng/bar.
- + Nội dung:
 - Chuẩn bị ca làm việc.
 - Chuẩn bị nhà hàng.
 - Tiếp nhận thực khách.
 - Tiếp nhận yêu cầu.
 - Phục vụ bữa ăn.
 - Thu dọn bữa ăn.
 - Phục vụ thức uống.
 - Phục vụ hội nghị, tiệc.
 - Xử lý thanh toán, kết thúc ca.
 - Thực hành.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể thực hiện các kỹ năng phục vụ, giao tiếp, xử lý tình huống trong nhà hàng/bar, hiểu rõ quy trình phục vụ, các loại hình tiệc.

[TO09035] Nghiệp vụ Buồng phòng----- 3[1.2.6]

- + Mục tiêu: Giúp sinh viên thực hiện các vai trò của bộ phận buồng phòng trong nghiệp vụ lưu trú, phát triển kỹ năng, kiến thức để cung cấp dịch vụ khách hàng.
- + Nội dung:
 - Giới thiệu hoạt động bộ phận buồng phòng.
 - Lựa chọn, sử dụng trang thiết bị, dụng cụ.
 - Hàng vải, trang thiết bị trong phòng.
 - Giao tiếp trong bộ phận buồng.
 - Dọn buồng cho khách lưu trú, trả phòng.
 - Chỉnh trang buồng buổi tối, dịch vụ minibar.
 - Vệ sinh khu vực công cộng, giặt là.
 - Vệ sinh không thường xuyên, đặc biệt, loại bỏ vết bẩn.
 - Các quy trình trong hoạt động: đổi buồng, thất lạc, chìa khóa, bảo dưỡng, rác thải.
 - Thực địa: tham quan khách sạn.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể thực hiện các công việc của bộ phận buồng phòng, hiểu rõ quy trình, kỹ thuật dọn phòng, vệ sinh, giao tiếp, xử lý tình huống.

[TO09036] Quản trị dịch vụ ẩm thực----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu các yếu tố trong mô hình kinh doanh dịch vụ ăn uống, lập kế hoạch tổ chức các loại tiệc, rèn luyện tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp.
- + Nội dung:
 - Tổng quan ngành dịch vụ kinh doanh ẩm thực.
 - Các loại hình kinh doanh dịch vụ ẩm thực.
 - Quản lý quy trình hoạt động cung ứng dịch vụ.
 - Xây dựng thực đơn.
 - Kiểm soát chi phí ẩm thực.
 - Hoạt động marketing của nhà hàng.
 - Hoạt động chăm sóc khách hàng.
 - Phân tích kết quả kinh doanh nhà hàng.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể lên kế hoạch tổ chức, vận hành một số loại hình tiệc, hiểu và áp dụng các kỹ năng quản lý, marketing, chăm sóc khách hàng trong kinh doanh ẩm thực.

[TO09037] Quản trị lưu trú trong khách sạn và resort----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về tổng quan các cơ sở lưu trú, quản lý các bộ phận (nhân sự, sale, marketing, tiền sảnh, doanh thu, housekeeping).
- + Nội dung:
 - Tổng quan cơ sở lưu trú.
 - Quản trị nhân sự.
 - Quản trị bán hàng.
 - Quản lý Marketing.
 - Quản lý tiền sảnh.
 - Quản lý doanh thu.
 - Quản lý Housekeeping.
- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu và phân tích hiệu quả kinh tế của bộ phận lưu trú, biết cách quản lý, kiểm soát, đảm bảo chất lượng, vận dụng kiến thức vào quản lý tổng thể hoạt động lưu trú.

[TO09038] Quản trị chất lượng trong khách sạn ----- 3[2.1.5]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức, kỹ năng về quản trị chất lượng, vai trò, chức năng, công cụ kiểm soát, phương pháp, chi phí, hệ thống quản lý.
- Nội dung:
 - Nền tảng về chất lượng, quản trị chất lượng.
 - Quản lý chất lượng: khái niệm, nguyên tắc, phương pháp.
 - Hệ thống quản lý chất lượng: ISO, IEC, ITU, Q-Base, Kaizen, QS-9000, HACCP, 5S.
 - Phương pháp quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn.
 - Kiểm soát chất lượng dịch vụ khách sạn.
- Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu rõ khái niệm, vai trò, phương pháp, hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng vào quản lý chất lượng dịch vụ khách sạn.

[TO09039] Trò chơi kinh doanh trong du lịch ----- 3[1.2.6]

- + Mục tiêu: Giúp sinh viên làm quen quy trình thành lập, vận hành doanh nghiệp du lịch, hiểu biết về thị trường, môi trường kinh doanh, rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, thiết kế.
- + Nội dung:
 - Tổng quan, mốc thời gian, nội dung, quy định.
 - Bài tập 1: lập kế hoạch kinh doanh.
 - Bài tập 2: xây dựng fanpage, poster.
 - Bài tập 3: thiết kế sản phẩm du lịch.
 - Báo cáo, thuyết trình về kế hoạch kinh doanh.

- + Kết quả dự kiến: Sinh viên có thể hiểu rõ quy trình thành lập, vận hành doanh nghiệp du lịch, nắm bắt kiến thức về thị trường, môi trường kinh doanh, rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, thiết kế, làm việc nhóm, thuyết trình.

Nhóm môn tốt nghiệp

[TO03151]	Thực tập tốt nghiệp-----	4[0.4.4]
[TO03153]	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp -----	5[0.5.5]

Nhóm môn tự chọn

[TO19005]	Môn học tự chọn 1_Ngoại ngữ (Tiếng Hoa 1/Tiếng Pháp 1) -----	3[2.1.5]
+	[TO19007] TC1 - Tiếng Hoa 1 -----	3[2.1.5]
+	[TO19008] TC1 - Tiếng Pháp 1 -----	3[2.1.5]
[TO19006]	Môn học tự chọn 2_Ngoại ngữ (Tiếng Hoa 2/Tiếng Pháp 2) -----	3[2.1.5]
+	[TO19009] TC2 - Tiếng Hoa 2 -----	3[2.1.5]
+	[TO19010] TC2 - Tiếng Pháp 2 -----	3[2.1.5]
[TO09030]	Môn học tự chọn 1_DL -----	3[2.1.6]
[TO09031]	Môn học tự chọn 2_DL -----	3[2.1.6]
[TO09032]	Môn học tự chọn 3_DL -----	3[2.1.6]

17. Chương trình đào tạo được cập nhật và thông qua:

[1]	Xây dựng và thẩm định lần 01: -----	Tháng 04/2025
[2]	Hiệu chỉnh lần 02 (Cập nhật Quy chế quản lý đào tạo)-----	Tháng 09/2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2025
 TRƯỞNG KHOA HIỆU TRƯỞNG

TS. Ngô Thị Thu

PGS. TS. Cao Hào Thi

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC BẮT BUỘC HOẶC KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TƯ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT											PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phỏng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI					
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ				
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34		
01	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]		
02	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]		
03	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]		
04	HK1	TOO9002	Giao tiếp trong du lịch	[2]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	10	40	50	BC	TL	0	0	[LT]	[TO00]		
05	HK1	TOO9003	Văn hóa và các kỹ năng liên văn hóa	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
06	HK1	TOO9004	Nguyên lý ngành Công nghiệp dịch vụ và du lịch	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
07	HK1	TOO9005	Phát triển nghề nghiệp	[3]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
08	HK1	TOO9011	Thực địa du lịch	[3]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	20	30	50	BC	BC	0	0	[NT]	[TO00]		
09	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]		
10	HK2	BA09055	Phương pháp luận và cách tiếp cận khoa học	[1]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[BA00]		
11	HK2	TOO9001	Môi trường và du lịch	[1]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT+NT]	[TO00]		
12	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]		
13	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]		
14	HK2	TOO9022	Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe chủ động 1	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	20	30	50	TH	TH	0	0	[LT]	[TO00]		
15	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]		
16	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]		
17	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]		
18	HK3	TOO9030	Môn học tự chọn cơ sở 01_DL (03 tín chỉ tự chọn)	[3.3]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[TO00]		
19	HK3	TOO9006	Du lịch thông minh	[3]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
20	HK3	TOO9007	Kinh tế du lịch	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
21	HK3	TOO9008	Marketing du lịch	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
22	HK3	TOO9023	Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe chủ động 2	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	20	30	50	TH	TH	0	0	[LT]	[TO00]		
23	HK3	TOO9024	Dẫn nhập về Du lịch sức khỏe	[4]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
24	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	0	0	0	0	0	0	[MI00]		
25	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]		
26	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]		
27	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]		
28	HK4	TOO9009	Kế toán tài chính trong du lịch	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60-75	60-75	[LT]	[TO00]		
29	HK4	TO19001	Tiếng Anh du lịch 1	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	20	30	50	TN+BC	TN+VD	0	0	[LT]	[TO01]		
30	HK4	TOO9018	Thực tập chuyên ngành 01	[4]	BB	2[0.2.2]	2	0	0	0	0	0	0	2	2	90	0	0	0	0	0	0	90	30	0	50	50	BC	BC	0	0	[NT]	[TO00]		
31	HK4	TOO9025	Dinh dưỡng trong chăm sóc sức Khỏe	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
32	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]		
33	HK5	TO19005	Môn học tự chọn 1_Ngoại ngữ (Tiếng Hoa 1/Tiếng Pháp 1)	[3.3]	TC	3[2.1.5]	3	2	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	30	0	0	0	0	75	0	0	0	0	0	0	0	0	[TO01]		
34	HK5	TOO9010	Phát triển du lịch bền vững	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
35	HK5	TOO9020	Nguyên lý khởi nghiệp và đề án du lịch 1	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	20	0	80	0	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
36	HK5	TO19002	Tiếng Anh du lịch 2	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	20	30	50	TN+BC	TN+VD	0	0	[LT]	[TO01]		
37	HK5	TOO9030	Môn học tự chọn chuyên ngành 01_DL	[4.3]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[TO00]		
38	HK5	TOO9016	Thiết kế sản phẩm du lịch sức khỏe	[4]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	BC	BC+VD	0	0	[LT]	[TO00]		
39	HK5	TOO9026	Quản lý dịch vụ Spa	[4]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT+NT]	[TO00]		
40	HK6	TO19006	Môn học tự chọn 2_Ngoại ngữ (Tiếng Hoa 2/Tiếng Pháp 2)	[3.3]	TC	3[2.1.5]	3	2	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	30	0	0	0	0	75	0	0	0	0	0	0	0	0	[TO01]		
41	HK6	TOO9017	Xây dựng hệ sinh thái doanh nghiệp	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]		
42	HK6	TO19003	Tiếng Anh du lịch 3	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	30	0	0	0	0	75	20	30	50	T							

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ										PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI			
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ		
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
07	HK_TC	TO09035	Nghiep vu buong phong	[4]	TC	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	TH	0	0	[LT]	[TO00]
08	HK_TC	TO09036	Quan tri dich vu am thuc	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]
09	HK_TC	TO09037	Quan tri luu tru trong khach san va resort	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	20	60	BC	TN+TL	0	0	[LT]	[TO00]
10	HK_TC	TO09038	Quan tri chat luong trong khach san	[4]	TC	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]
11	HK_TC	TO09039	Business Game	[4]	TC	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]
12	HK_TC	TO09040	Nghiep vu Bar	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	30	60	VD	TN+TH	0	60	0	[TO00]
13	HK3	TO09012	Chuyen de 1: Ky nang quan tro	[3]	TC	1[1.0.2]	1	1	0	0	0	0	0	0	2	15	15	0	0	0	0	0	0	30	20	30	50	TH	TH	0	0	[LT]	[TO00]
14	HK3	TO09013	Chuyen de 2: Y te du lich	[3]	TC	1[1.0.2]	1	1	0	0	0	0	0	0	2	15	15	0	0	0	0	0	0	30	20	30	50	TH	TH	0	0	[LT]	[TO00]
15	HK3	TO09014	Chuyen de 3: Thu tuc xuất nhập cảnh	[3]	TC	1[1.0.2]	1	1	0	0	0	0	0	0	2	15	15	0	0	0	0	0	0	30	20	30	50	TN	VD	0	0	[LT]	[TO00]
16	HK3	TO09015	Hệ thống đặt chỗ trong du lịch	[3]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	25	25	50	TN/TL	BC	0	0	[LT]	[TO00]

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC

- [0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt
[0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh
[0.2] Giáo dục thể chất

Kiến thức giáo dục đại cương

- [1] Khoa học tự nhiên
[2] Khoa học xã hội nhân văn
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
[3] Cơ sở ngành
[4] Chuyên ngành
[5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp
[5.1] Thực tập tốt nghiệp
[5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn
[5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
[5.4] Thi tốt nghiệp

CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN

- BB Môn học bắt buộc
TC Môn học tự chọn
TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.
Sinh viên chọn hình thức thực hiện

CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI

- [VD] Thi vấn đáp
[TN] Thi trắc nghiệm
[TL] Thi tự luận
[TH] Thi thực hành
[BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận
[LA] Luận án / Bảo vệ Luận án
[DA] Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học
[CH] Thi trắc nghiệm và tự luận

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC		MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT								PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI								YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TH/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TH/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI				
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	THỜI GIAN K/TRA - THI	THỜI GIAN K/TRA - THI	THỜI GIAN K/TRA - THI		
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
01	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
02	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
03	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
04	HK1	TOO9002	Giao tiếp trong du lịch	[2]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	10	40	50	BC	TL	0	0	[LT]	[TO00]	
05	HK1	TOO9003	Văn hóa và các kỹ năng liên văn hóa	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]	
06	HK1	TOO9004	Nguyên lý ngành Công nghiệp dịch vụ và du lịch	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]	
07	HK1	TOO9005	Phát triển nghề nghiệp	[3]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]	
08	HK1	TOO9011	Thực địa du lịch	[3]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	1	0	0	0	1	30	0	0	0	30	0	0	0	15	20	30	50	BC	BC	0	0	[NT]	[TO00]	
09	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
10	HK2	BA09055	Phương pháp luận và cách tiếp cận khoa học	[1]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[BA00]	
11	HK2	TOO9001	Môi trường và du lịch	[1]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT+NT]	[TO00]	
12	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
13	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]	
14	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
15	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
16	HK3	GS79007	Chữ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
17	HK3	TOO9030	Môn học tự chọn cơ sở 01 DL (03 tín chỉ tự chọn)	[3.3]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[TO00]
18	HK3	TOO9006	Du lịch thông minh	[3]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]	
19	HK3	TOO9007	Kinh tế du lịch	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	BC	0	0	[LT]	[TO00]	
20	HK3	TOO9008	Marketing du lịch	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]	
21	HK3	TOO9033	Nghề vụ Sommelier cơ bản	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	30	60	BC	TN	0	60	[LT+TH]	[TO00]	
22	HK3	TOO9034	Nghề vụ nhà hàng	[4]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT+TH]	[TO00]	
23	HK3	TOO9040	Nghề vụ Bar	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	30	60	VD	TN+TH	0	60	0	0	[TO00]
24	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0.1]	BB	0[0.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[MI00]
25	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	0	[SA]	[GS09]
26	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]	
27	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
28	HK4	TOO9009	Kế toán tài chính trong du lịch	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60-75	60-75	[LT]	[TO00]	
29	HK4	TO19001	Tiếng Anh du lịch 1	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	20	30	50	TN+BC	TN+VD	0	0	[LT]	[TO01]	
30	HK4	TOO9018	Thực tập chuyên ngành 01	[4]	BB	2[0.2.2]	2	0	0	0	0	0	0	2	2	90	0	0	0	0	0	0	90	30	0	50	50	BC	BC	0	0	[NT]	[TO00]	
31	HK4	TOO9035	Nghề vụ buồng phòng	[4]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	TH	0	0	[LT]	[TO00]	
32	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
33	HK5	TO19005	Môn học tự chọn 1_Ngoại ngữ (Tiếng Hoa 1/Tiếng Pháp 1)	[3.3]	TC	3[2.1.5]	3	2	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	30	0	0	0	0	75	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[TO01]
34	HK5	TOO9010	Phát triển du lịch bền vững	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]	
35	HK5	TOO9020	Nguyên lý khởi nghiệp và đề án du lịch 1	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	20	0	80	0	BC	0	0	[LT]	[TO00]	
36	HK5	TO19002	Tiếng Anh du lịch 2	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	20	30	50	TN+BC	TN+VD	0	0	[LT]	[TO01]	
37	HK5	TOO9030	Môn học tự chọn chuyên ngành 01_DL	[4.3]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[TO00]
38	HK5	TOO9036	Quản trị dịch vụ ẩm thực	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]	
39	HK5	TOO9037	Quản trị lưu trú trong khách sạn và resort	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	20	60	BC	TN+TL	0	0	[LT]	[TO00]	
40	HK6	TO19006	Môn học tự chọn 2_Ngoại ngữ (Tiếng Hoa 2/Tiếng Pháp 2)	[3.3]	TC	3[2.1.5]	3	2	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	30	0	0	0	0	75	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[TO01]
41	HK6	TOO9017	Xây dựng hệ sinh thái doanh nghiệp	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]	
42	HK6	TO19003	Tiếng Anh du lịch 3	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	1	0	0	0	0	5	60	30	0	30	0	0	0	0	75	20	30								

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN HỌC BẮC BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ										PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI			
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ		
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
08	HK_TC	TO09025	Dinh dưỡng trong chăm sóc sức khỏe	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]
09	HK_TC	TO09026	Quản lý dịch vụ Spa	[4]	TC	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT + NT]	[TO00]
10	HK_TC	TO09027	Dịch vụ khách hàng du lịch sức khỏe	[4]	TC	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]
11	HK_TC	TO09028	Chăm sóc sức khỏe tâm trí	[4]	TC	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	20	30	50	BC	TH	0	0	[LT]	[TO00]
12	HK_TC	TO09029	Quản trị điểm đến du lịch sức khỏe	[4]	TC	3[1.2.5]	3	1	1	0	1	0	0	0	5	60	15	15	0	30	0	0	0	75	20	30	50	BC	BC	0	0	[LT]	[TO00]
13	HK3	TO09012	Chuyên đề 1: Kỹ năng quản trò	[3]	TC	1[1.0.2]	1	1	0	0	0	0	0	0	2	15	15	0	0	0	0	0	0	30	20	30	50	TH	TH	0	0	[LT]	[TO00]
14	HK3	TO09013	Chuyên đề 2: Y tế du lịch	[3]	TC	1[1.0.2]	1	1	0	0	0	0	0	0	2	15	15	0	0	0	0	0	0	30	20	30	50	TH	TH	0	0	[LT]	[TO00]
15	HK3	TO09014	Chuyên đề 3: Thủ tục xuất nhập cảnh	[3]	TC	1[1.0.2]	1	1	0	0	0	0	0	0	2	15	15	0	0	0	0	0	0	30	20	30	50	TN	VD	0	0	[LT]	[TO00]
16	HK3	TO09015	Hệ thống đặt chỗ trong du lịch	[3]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	25	25	50	TN/TL	BC	0	0	[LT]	[TO00]

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC

- [0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt
- [0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh
- [0.2] Giáo dục thể chất
- Kiến thức giáo dục đại cương
- [1] Khoa học tự nhiên
- [2] Khoa học xã hội nhân văn
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
- [3] Cơ sở ngành
- [4] Chuyên ngành
- [5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp
- [5.1] Thực tập tốt nghiệp
- [5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn
- [5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
- [5.4] Thi tốt nghiệp

CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN

- BB Môn học bắt buộc
- TC Môn học tự chọn
- TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.
- Sinh viên chọn hình thức thực hiện

CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI

- [VD] Thi vấn đáp
- [TN] Thi trắc nghiệm
- [TL] Thi tự luận
- [TH] Thi thực hành
- [BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận
- [LA] Luận án / Bảo vệ Luận án
- [DA] Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học
- [CH] Thi trắc nghiệm và tự luận